



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

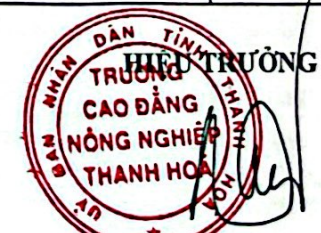
THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 32: từ ngày 17/03/2025 đến ngày 23/03/2025

THỨ LỚP	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY					
K9-KTDN K10-KTDN P.303	Sáng Sinh hoạt lớp GD chính trị (Thắm) 3	Tiếng anh (Linh) 2 Pháp luật (Nga) 2	GDTC (Thúy) 4 Tiếng anh (Linh) 4	Tài chính DN (Thúy) 4 (P.101)	Tin học (Hà) 4
K9-DVTY K10-DVTY P.303	Sáng Sinh hoạt lớp GD chính trị (Thắm) 3	Tiếng anh (Linh) 2 Pháp luật (Nga) 2	GDTC (Thúy) 4 Tiếng anh (Linh) 4		Tin học (Hà) 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY					
TT63A1 P.203	Sáng Chiều Sinh hoạt lớp Kiểm dịch TV (Lịch) 1 3	Kiểm dịch TV (Lịch) 4	Kiểm dịch TV (Lịch) 4		
CNTY63A3 P.301	Sáng Chiều Sinh hoạt lớp KTNPTB cho trâu bò (Vân) 1 3	Ngoại sản (Lệ) 4	KT thịt và các SP khác (Quyên) 4		
CNTY63A4 P.205	Sáng Chiều Sinh hoạt lớp KTNPTB cho trâu bò (Phượng) KT thịt và các SP khác (Quyên) 1 3	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 4	Ngoại sản (Hưng) 4		
KTDN63A P.204	Sáng Chiều Sinh hoạt lớp Kế toán HCSN (P.Thảo) 1 3	Kiểm toán (Hoa) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 4		
CNTT63A1 P.TH	Sáng Chiều Sinh hoạt lớp SD các thiết bị VP (Trường) 1 3	Đồ họa ứng dụng (Quang) 4	Xử lý ảnh với Corel (Thảo) 4		
CNTT63A2 P.TH	Sáng Chiều Sinh hoạt lớp Xử lý ảnh với Corel (Thảo) 1 3	QHTT Web và Mail Server (Hà) 4	Đồ họa ứng dụng (Quang) 4		

TT64A1 P.306	Sáng	Sinh hoạt lớp Thủy nông (Bình)	1 3	Côn trùng đại cương (Lịch)	4	Khuyến nông (Thọ)	4	Hóa BVTV (Hương)	4	Côn trùng chuyên khoa (Huệ)	4
	Chiều										
CNTY64A1 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp VSV - TN (Hòa)	1 3	Tin học (Hà)	4	CD và ĐTH thú y (Vân)	4	Giống vật nuôi (Hằng)	3	Dược lý thú y (Lệ)	4
	Chiều										
CNTY64A3 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp Giống vật nuôi (H.Nga)	1 3	VSV - TN (Hòa)	4	KTTG (Quyên)	4	CD và ĐTH thú y (Lệ)	4	Giống vật nuôi (H.Nga)	3
	Chiều										
KTDN64A1 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp Nguyên lý Marketing (Sơn)	1 3	Kế toán DN1 (Q.Mai)	4	Kế toán DN1 (Q.Mai)	4	Tài chính DN (Hoa)	4	Luật kinh tế (Huyền) Nguyên lý Marketing (Sơn)	2 2
	Chiều										
KTDN64A2 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp KTDN 1 (T. Thảo)	1 3	Nguyên lý Marketing (Sơn) Luật kinh tế (Huyền)	2 2	Soạn thảo VB (Nga)	4	Tài chính DN (Thúy)	4	KTDN 1 (T. Thảo)	4
	Chiều										
CNTT64A1 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp GDTC (Quang)	1 3	Tiếng anh chuyên ngành (Phiên) Tổ chức QLDN (Sơn)	2 2	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Cấu trúc DL và GT (Hà)	4	Tổ chức QLDN (Sơn) Pháp luật (Huyền)	2 2
	Chiều										
CNTT64A2 P.A202	Sáng	Sinh hoạt lớp Cấu trúc máy tính (Hà)	1 3	Mạng máy tính (Quang)	4	Tiếng anh chuyên ngành (Phiên) Pháp luật (Huyền)	2 2	Tổ chức QLDN (T.Thảo) GDTC (Quang)	2 2	Lập trình cơ bản (Thảo)	4
	Chiều										
ĐCN63A1 P.A102	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4				
ĐCN63A2 P.A103	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	1 3	Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4				
ĐCN64A1 P.A102	Sáng	Sinh hoạt lớp Máy điện (Tuấn)	1 4	Truyền động điện (Đ.Đức)	4	Máy điện (Tuấn)	4	Máy điện (Tuấn)	4	Tiếng anh (Linh) (P.302)	4
	Chiều										
ĐCN64A2 P.A103	Sáng	Sinh hoạt lớp Máy điện (Giáp)	1 4	Máy điện (Giáp)	4	Truyền động điện (Nga)	4	Máy điện (Giáp)	4	Tiếng anh (K.Nhung) (P.303)	4
	Chiều										

ĐCN64A3 P.A301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1	Đo lường điện (Tuấn) 4	Khí cụ điện (Đ.Đức) 4	Máy điện (Dương) 4	Tiếng anh (Phiên) 3
	Chiều	Truyền động điện (Hòa) 4				
ĐCN 63B	Sáng					
	Chiều		Kỹ thuật ĐKTD (Dương) 4	Kỹ thuật ĐKTD (Dương) 4		Cung cấp điện (Huân) 4
ĐCN64B	Sáng	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4
	Chiều					
TL63	Sáng					
	Chiều		VH máy bơm li tâm và hỗn lưu (Hoà) 4	Máy đóng cửa van (N.Đức) 4		Máy đóng cửa van (N.Đức) 4
TL64B	Sáng	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4
	Chiều					
KTDN63B	Sáng					
	Chiều		Kế toán HCSN (T.Thảo) 3	Tin học kế toán (Mai) 3		Tin học kế toán (Mai) 3
KTDN64B	Sáng	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4
	Chiều					
CBBQ63	Sáng					
	Chiều		KT chất lượng TS (Năm) 3	CB khô thủy sản (Liên) 3		CB khô thủy sản (Liên) 3
CBBQ64	Sáng	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4
	Chiều					
ĐKTB63	Sáng					
	Chiều		Tiếng anh CN hàng hải (T.Nhung) 4	Địa văn hàng hải (Tiến) 4		La bàn từ (Trung) 4
KTM TT63	Sáng					
	Chiều		Xử lý các sự cố D.TT (Đông) 4	Xử lý các sự cố D.TT (Đông) 4		BD, SC thiết bị trên boong (Tiến) 4

KTMTT64	Sáng	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4
	Chiều								
NTTS64	Sáng	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4
	Chiều								
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN									
THỨ LỚP		Thứ 6			Thứ 7			Chủ nhật	
TT63A2 P.101	Sáng				Sinh hoạt lớp		1	Cây ăn quả (Bình)	4
	Chiều				Kiểm dịch TV (Lịch)		4		
TT64A2	Sáng	Thủy nông (Bình)	4		Sinh hoạt lớp		1	Giống cây trồng (Huyền)	4
	Chiều	Thủy nông (Bình)	4		Khuyến nông (Thọ)		4		
TT64A3 P.304	Sáng	GDTC (Hà)	4		Sinh hoạt lớp		1	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Tin học (Thoa)	4		Sinh lý TV (Bình)		4		
CN63A2 P.102	Sáng				Sinh hoạt lớp		1	KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4
	Chiều				KT thịt và các SP khác (Phượng)		4		
CN64A2 P.304	Sáng	GDTC (Hà)	4		Sinh hoạt lớp		1	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Tin học (Thoa)	4		GP sinh lý vật nuôi (H.Nga)		4		
					Giống vật nuôi (Hằng)		4	Tiếng anh (K.Nhung)	4



Lê Hoàng Bá Huyền



TRƯỜNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
CAO TRUNG HỌC ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 32: từ ngày 17/03/2025 đến ngày 23/03/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH62B3 P.201	Sáng	GDKT và PL (Quyên) 2 (Ôn tập)	HĐTN (Phượng) 1 Sinh học (Phượng) 4	Toán (Nhưng) 2 (Ôn tập)	Địa lý (Thùy) 3 Sinh học (Phượng) 2	Toán (Nhưng) 5
	Chiều	Lịch sử (Dự) 4	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)	GDKT và PL (Quyên) 2 CĐ GDKT và PL (Quyên) 2		Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)
VH62B4	Sáng	Ngữ văn (Hằng) 3 CĐ Ngữ văn (Hằng) 2		GDKT và PL (Quyên) 2 (Ôn tập)	Toán (Nhưng) 2 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)
	Chiều	Địa lý (Thủy) 4	HĐTN (Quyên) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Hà) 2 (Ôn tập)	Hóa học (Vân)
VH62B5 P.104	Sáng	Địa lý (Ngọc) 3 Sinh học (Phượng) 2	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)	Toán (Quý) 3 Sinh học (Phượng) 2	Ngữ văn (Hằng) 3 CĐ Ngữ văn (Hằng) 2	Lịch sử (Dự) 3 GDKT và PL (Quyên) 2
	Chiều	HĐTN (Quý) 1 Toán (Quý) 3	Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)	Địa lý (Ngọc) 2 (Ôn tập)		Toán (Quý) 2 (Ôn tập)
VH63B1	Sáng	Địa lý (Thủy) 3 CĐ Địa lý (Thủy) 2	Vật lý (Hòa) 4 GDKT và PL (Đ.Thủy) 1	Ngữ văn (Hằng) 3 CĐ Ngữ văn (Hằng) 2	GDKT và PL (Đ.Thủy) 2 Hóa học (Vân) 3	Lịch sử (Hà) 3 CĐ Lịch sử (Hà) 2
	Chiều	HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3				
VH63B3 P.203	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Hóa học (Hà) 2 Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hương) 3 Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quế) 3 Ngữ văn (Hương) 2	Toán (Thảo) 5	Địa lý (Chung) 3 Sinh học (Phượng) 2
	Chiều					GDKT và PL (Quế) 2 Ngữ văn (Hương) 2
VH63B4 P.205	Sáng	HĐTN (Dự) 1 Lịch sử (Dự) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Hóa học (Vân) 2 Toán (Nhưng) 3	Sinh học (Phượng) 2 Ngữ văn (H.Hà) 3	Sinh học (Phượng) 3 Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quyên) 3 Địa lý (Chung) 2
	Chiều					Toán (Nhưng) 4



VH63B5 P.A101	Sáng	HĐTN (Quế) 1 GDKT và PL (Quế) 4	Lịch sử (Dự) 3 Toán (Trang) 2	Toán (Trang) 3 Lịch sử (Dự) 2	Hóa học (Hà) 3 Địa lý (Thủy) 2	Ngữ văn (Hương) 3 Địa lý (Thủy) 4
	Chiều					
VH63B6 P.302	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 Ngữ văn (Hương) 4	Toán (Trang) 3 Hoá học (Vân) 2	Lịch sử (Dự) 3 Toán (Trang) 2	Ngữ văn (Hương) 3 GDKT và PL (Quế) 2	Địa lý (Nhài) 5 Vật lý (Hòa) 2 GDKT và PL (Quế) 2
VH63B7 P.301	Sáng	HĐTN (Nga) 1 GDKT và PL (Nga) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 3 Hóa học (Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 3 Vật lý (Hòa) 2	Địa lý (Nhài) 3 Hóa học (Hà) 2	Toán (Quý) 3 Lịch sử (Dự) 2
						GDKT và PL (Nga) 2 Vật lý (Hòa) 2
VH63B8 P.204	Sáng	HĐTN (K.Nhung) 1 Vật lý (Hòa) 2 Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quế) 3 Ngữ văn (Hương) 2	Ngữ văn (Hương) 3 GDKT và PL (Quế) 2	Lịch sử (Dự) 3 Địa lý (Nhài) 2	Toán (Thảo) 5 Ngữ văn (Hương) 2 Sinh học (Phượng) 2
	Chiều					
VH64B1	Chiều	HĐTN (Hằng) 1 Ngữ văn (Hằng) 3	Địa lý (Thủy) 4	Hóa học (Hà) 4		Lịch sử (Hà) 4
VH64B2 P.306	Chiều	HĐTN (Nhung) 1 GDKT và PL (Nga) 2 CĐ GDKT và PL (Tài) 1	Hóa học (Vân) 2 Sinh học (Hồng) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 Sinh học (Hồng) 2	Toán (Trang) 4	Ngữ văn (H.Hà) 2 Lịch sử (Nhung) 2
VH64B3 P.A202	Chiều	HĐTN (Vân) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Vật lý (Hòa) 2 Lịch sử (Nhung) 2	Ngữ văn (Hương) 4	Địa lý (Thủy) 4	Toán (Quý) 4
VH64B4 P.A101	Chiều	HĐTN (H.Nga) 1 Địa lý (H.Nga) 3	Hóa học (Hà) 2 CĐ GDKT và PL (Tài) 2	Toán (Trang) 4		Lịch sử (Nhung) 2 GDKT và PL (Đ. Thủy) 2
VH64B5 P.A301	Chiều	HĐTN (Hoà) 1 Vật lý (Hoà) 3	Lịch sử (Nhung) 2 Địa lý (Nga) 2	Ngữ văn (Lý) 4		Toán (Trang) 4

VH64B6 P.103	Chiều	Địa lý (Nhài) 4	HDTN (H. Hà) 1 Ngữ văn (H. Hà) 3	Toán (Quý) 4	Lịch sử (Nhưng) 4	Sinh học (Phượng) 2 GDKT và PL (Quyên) 2
VH64B7 P.101	Chiều	HDTN (Dự) 1 Ngữ văn (Hương) 3	GDKT và PL (Đ. Thúy) 2 Hóa học (Hà) 2	Sinh học (Phượng) 2 Lịch sử (Nhưng) 2	Toán (Thảo) 4	Địa lý (Chung) 2 CĐLC Địa lý (Chung) 2
VH64B8 P.102	Chiều	HDTN (Phiên) 1 Sinh học (Hồng) 3	Toán (Trang) 4	Lịch sử (Nhưng) 2 GDKT và PL (Nga) 2	Địa lý (Chung) 2 CĐLC Địa lý (Chung) 2	Ngữ văn (Lý) 4



Lê Hoàng Bà Huyền

